

Số: 2083 /TB-STNMT

Bình Dương, ngày 02 tháng 6 năm 2021

## THÔNG BÁO

### Về việc thực hiện tiếp nhận văn bản đến, hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện Công văn số 895/VPUB-HCC ngày 01/6/2021 của Văn phòng UBND tỉnh về việc thực hiện TTHC qua hình thức trực tuyến, bưu chính công ích trong giai đoạn phòng, chống dịch Covid-19. Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo về việc thực hiện tiếp nhận văn bản đến, hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính như sau:

1. Tạm ngưng việc giao dịch trực tiếp tại Tầng 1, Trung tâm hành chính công tỉnh đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường đã được công bố, công khai chuyển sang hình thức giao dịch trực tuyến và qua dịch vụ bưu chính công ích (thực hiện trả 100% hồ sơ giải quyết TTHC qua bưu chính công ích) kể từ ngày 02/6/2021 cho đến khi có thông báo mới.

Đối với những hồ sơ TTHC mang tính cấp bách, Thủ trưởng các phòng, đơn vị có biện pháp xử lý phù hợp, đảm bảo phòng, chống dịch.

2. Đối với việc hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính giao dịch trực tuyến và qua dịch vụ bưu chính công ích được thực hiện như sau:

a) Hướng dẫn, tư vấn thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường được thực hiện trực tuyến, gồm: điện thoại, zalo, Email,...

Đồng thời, các tổ chức, cá nhân có thể tìm hiểu và chuẩn bị hồ sơ theo cách sau: Tổ chức, cá nhân tìm hiểu thủ tục hành chính, tải biểu mẫu bằng cách truy cập địa chỉ: <http://dichvucong.binhduong.gov.vn/Bo-thu-tuc-hanh-chinh>, chọn đơn vị: *Sở Tài nguyên và môi trường -> chọn thủ tục cần tìm hiểu -> chuẩn bị thành phần hồ sơ theo quy định. Liên hệ số điện thoại công chức hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính theo danh sách phân công (đính kèm phụ lục 1 – Danh sách phân công cán bộ tiếp nhận và trả kết quả TTHC tại Bộ phận một cửa của Sở).*

b) Tiếp nhận thủ tục hành chính: Thực hiện theo 2 cách thức sau:

- Qua dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục áp dụng mức độ 3, 4 (*đính kèm Phụ lục 2 - Danh mục thủ tục hành chính mức độ 3, 4*): Tổ chức, cá nhân truy cập địa chỉ: <http://dichvucong.binhduong.gov.vn> đăng ký tài khoản và thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến theo hướng dẫn.

- Qua dịch vụ bưu chính công ích đối với các thủ tục hành chính còn lại theo danh mục thủ tục hành chính đã được công khai trên Cổng dịch vụ công tỉnh



Bình Dương (<http://dichvucong.binhduong.gov.vn>): Tổ chức, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ qua các Bưu cục gần nhất (*đính kèm Phụ lục 3 - Danh sách các điểm giao dịch tiếp nhận hồ sơ qua Bưu điện*). Bì thư hồ sơ giao dịch hành chính qua bưu chính công ích cần ghi rõ thông tin:

+ Thông tin cá nhân nộp/nhận hồ sơ: Tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ gửi nhận thư, Email.

+ Thông tin cơ quan tiếp nhận hồ sơ, số điện thoại (theo danh sách phân công – Phụ lục 1). Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường – Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Dương – Phường Hòa Phú – Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

c) Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Khi có kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Sở sẽ trả kết quả qua bưu chính công ích. Kết quả sẽ được giao trả cho cá nhân theo biên nhận hồ sơ hoặc cá nhân được ủy quyền theo quy định pháp luật.

- Trường hợp có phát sinh thu phí, lệ phí theo quy định (nếu có), các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục có thể thực hiện thanh toán bằng hình thức chuyển khoản theo số tài khoản trong thông báo hoặc thanh toán cho bưu điện khi nhận kết quả. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm gửi Thông báo thu phí, lệ phí (nếu có) qua zalo, Email cho các tổ chức và cá nhân biết để lựa chọn hình thức thanh toán phù hợp.

3. Đối với việc tiếp nhận các báo cáo định kỳ, văn bản khác đến Sở và các đơn vị trực thuộc, được thực như sau:

- Đối với Báo cáo kết quả quan trắc; báo cáo giám sát môi trường; tờ khai phí bảo vệ môi trường định kỳ: Các tổ chức, cá nhân scan quét văn bản và gửi tập tin đến hộp thư công vụ của Chi cục bảo vệ môi trường ([bvmt.tnmt@binhduong.gov.vn](mailto:bvmt.tnmt@binhduong.gov.vn)) hoặc qua Bưu điện đến địa chỉ: *Chi cục Bảo vệ Môi trường - tầng 7 tháp B - Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương – Phường Hòa Phú – Thành phố Thủ Dầu Một – tỉnh Bình Dương*.

- Đối với các văn bản khác gửi đến Sở: Các tổ chức, cá nhân scan quét văn bản và gửi tập tin đến hộp thư công vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường ([sotnmt@binhduong.gov.vn](mailto:sotnmt@binhduong.gov.vn)) hoặc qua Bưu điện đến địa chỉ: *Sở Tài nguyên và Môi trường – tầng 9 tháp A – Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương – Phường Hòa Phú – Thành phố Thủ Dầu Một – tỉnh Bình Dương*.

4. Đối với việc tổ chức, cá nhân nhận thông báo thuê để thực hiện nghĩa vụ tài chính; nhận hợp đồng thuê đất và phụ lục hợp đồng thuê đất để ký với Sở Tài nguyên và Môi trường: Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh thực hiện gửi các giấy tờ nêu trên qua dịch vụ bưu điện theo phương thức đảm bảo. Phí thực hiện nội dung này do đơn vị tự cân đối.

5. Đối với việc ban hành thông báo thu phí, lệ phí theo hồ sơ: Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở ghi rõ thông tin tài khoản để các tổ chức, cá nhân có thể dễ dàng thực hiện giao dịch thanh toán trực tuyến.

6. Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh căn cứ Thông báo của này, chỉ đạo các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thực hiện các hình thức giao dịch một cách phù hợp.

Trên đây là nội dung Thông báo về việc thực hiện tiếp nhận văn bản đến, hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường, xin trân trọng thông báo đến các tổ chức, cá nhân được biết./. *HL*

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh để báo cáo;
- BGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Các tổ chức, cá nhân có giao dịch hành chính (qua trang web Sở);
- Lưu: VT, H (01).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Ngọc Thúy**



**Phụ lục 1**  
**DANH SÁCH PHÂN CÔNG CÁN BỘ TRỰC TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT**  
**QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA**  
 (Đính kèm Thông báo văn số: 2083/TB-STNMT ngày 2 tháng 6 năm 2021)



| STT | Họ và tên        | Chức vụ                                                               | Email và số điện thoại                                                          | Thời gian làm việc và hướng dẫn thủ tục qua điện thoại, zalo, Email | Ghi chú                                                                                                                                     |
|-----|------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Trương Quốc Minh | Chuyên viên – Chi cục Quản lý Đất đai                                 | minhtq.tdm@binhduong.gov.vn<br>Điện thoại: 0908746795                           | Thứ 2,3,4, 5, 6 hàng tuần                                           | Hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả lĩnh vực: <i>Đất đai thuộc Chi cục Quản lý đất đai</i>                                                  |
| 2.  | Nguyễn Thúy Nga  | Nhân viên Văn phòng Đăng ký đất đai                                   | ngathudaumot@gmail.com<br>Điện thoại: 0907053322                                | Thứ 2,3,4, 5, 6 hàng tuần                                           | Hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ: <i>Đất đai và giao dịch bảo đảm.</i>                                                             |
| 3.  | Nguyễn Bảo Ngọc  | Phó trưởng phòng phụ trách phòng Tổng hợp - Chi cục Bảo vệ Môi trường | ngocnb@binhduong.gov.vn<br>Điện thoại: 0918794919                               | Thứ 2,3,4, 5, 6 hàng tuần                                           | Hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả đối với thủ tục: <i>Môi trường; Khí tượng thủy văn và Biển đổi Khí hậu; Tài nguyên nước, Khoáng sản</i> |
| 4.  | Hồ Minh Trung    | Chuyên viên Phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản và Khí tượng thủy văn   | trunghm@binhduong.gov.vn<br>minh_trung223@yahoo.com<br>Điện thoại: 0938.350.358 | Thứ 2,3,4, 5, 6 hàng tuần                                           |                                                                                                                                             |
| 5.  | Bùi Nữ Ngọc Hân  | Lưu trữ viên – Trung tâm CNTT – Lưu trữ TNMT                          | hanbnn@binhduong.gov.vn<br>Điện thoại: 0935.209.443                             | Thứ 2,3,4,5,6 hàng tuần                                             | Hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả của <i>TTCNTTLT</i>                                                                                     |

**Phụ lục 2**  
**DANH SÁCH CÁC TTHC THỰC HIỆN**  
**DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3, 4**

(Đính kèm Thông báo văn số: 2083 /TB-STNMT ngày 02 tháng 6 năm 2021)

| STT       | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ghi chú |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>I.</b> | <b>Lĩnh vực đất đai</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |         |
| 1         | Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao. (Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng).                                                                         |         |
| 2         | Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng) |         |
| 3         | Thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |         |
| 4         | Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |         |



|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 5  | Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài                                                                                          |  |
| 6  | Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế (hoặc ngoài khu, cụm công nghiệp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 7  | Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
| 8  | Thủ tục Thẩm định Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Đối với hồ sơ mới thực hiện theo Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014)                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 9  | Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
| 10 | Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |
| 11 | Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |
| 12 | Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |
| 13 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở                                                                                                                                                                                                                                  |  |
| 14 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định                                                                                                                                                            |  |
| 15 | Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận |  |

|            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 16         | Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |
| 17         | Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp |  |
| 18         | Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận                                                                                                                                                                     |  |
| 19         | Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |
| 20         | Tách thửa hoặc hợp thửa đất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
| 21         | Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |
| 22         | Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |
| 23         | Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |
| 24         | Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |
| 25         | Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |
| 26         | Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |
| <b>II.</b> | <b>Lĩnh vực môi trường</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
| 1          | Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |



|             |                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 2           | Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 3           | Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường                                                                                                                                                                                                          |  |
| 4           | Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án                                                                                                                                               |  |
| 5           | Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải                                                                                                                                                                                                        |  |
| <b>III.</b> | <b>Lĩnh vực tài nguyên nước</b>                                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 1           | Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi                                                                                                                                                     |  |
| 2           | Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước                                                                                                                                                                                                                       |  |
| 3           | Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước                                                                                                                                                                                                                             |  |
| 4           | Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ                                                                                                                                                                                                         |  |
| 5           | Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 20 m <sup>3</sup> /ngày đêm dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm                                                                                                                                     |  |
| 6           | Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 20 m <sup>3</sup> /ngày đêm dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm                                                                                                            |  |
| 7           | Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 20 m <sup>3</sup> /ngày đêm dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm                                                                                                 |  |
| 8           | Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm; |  |
| 9           | Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh                                                                                           |  |
| 10          | Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước                                                                                                                                                                                                                             |  |

**DANH SÁCH CÁC ĐIỂM GIAO DỊCH TIẾP NHẬN HỒ SƠ QUA BƯU ĐIỆN**

(Ban hành kèm theo Thông báo số 2083 /STNMT-VP ngày 02 / 6 2021)

Mã vùng điện thoại: 0274

| STT        | Điểm tiếp nhận          | Địa chỉ                                                  | Điện thoại |
|------------|-------------------------|----------------------------------------------------------|------------|
| <b>I</b>   | <b>TP. THỦ DẦU MỘT</b>  |                                                          |            |
| 1          | Bưu điện Thủ Dầu Một    | Số 324, Tổ 3, khu 1, Phú Hòa, TPTDM, Bình Dương          | 3.822.125  |
| 2          | Bưu cục Tương Bình Hiệp | Ấp 2, xã Tương Bình Hiệp, TPTDM, Bình Dương              | 3.829.749  |
| 3          | Bưu cục Phú Cường       | Số 10 đường Đinh Bộ Lĩnh, Phú Cường, TPTDM, Bình D       | 3.848.300  |
| 4          | Bưu cục TTHC            | Đường Tạo Lực 2, Hòa Phú, TPTDM, Bình Dương              | 3.823.200  |
| 5          | Bưu cục Phú Thọ         | Số 479, Đường 30/4 KP8, Phú Thọ,                         | 3.815.915  |
| 6          | Bưu cục Phú Mỹ          | 422 Đường Phạm Ngọc Thạch Khu 4, Phường Phú Mỹ           | 3.815.916  |
| 7          | Hệ 1 (trong TTHC)       | Đường Tạo Lực 2, Hòa Phú, TPTDM, Bình Dương              | 3.822.853  |
| 8          | BĐVHX Tân An            | KP 1, Xã Tân An, TPTDM, Bình Dương.                      | 3.830.430  |
| 9          | BĐVHX Hòa Phú           | Khu phố 2, Hòa Phú, TPTDM, Bình Dương.                   | 3.839.232  |
| <b>II</b>  | <b>TP. THUẬN AN</b>     |                                                          |            |
| 1          | Bưu điện Thuận An       | Đường Phan Đình Phùng, thị trấn Lái Thiêu, Thuận An, B   | 3.759.990  |
| 2          | Bưu cục Bình Chuẩn      | Khu phố Bình Phú, Bình Chuẩn, Thuận An, Bình Dương       | 3.788.009  |
| 3          | Bưu cục Bình Chuẩn 2    | 21/19 Khu phố Bình Phước A, Bình Chuẩn, Thuận An, B      | 3.720.567  |
| 4          | Bưu cục Đồng An         | KCN Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương              | 3.782.600  |
| 5          | Bưu cục KCN Vsip        | Đại Lộ Bình Dương, Bình Hòa, KCN Vsip, Thuận An, B       | 3.782.500  |
| 6          | Bưu cục An Phú          | Khu phố 1A, An Phú, Thuận An, Bình Dương                 | 3.740.000  |
| 7          | Bưu cục Thuận Giao      | Khu phố Hòa Lân 1, Thuận Giao, Thuận An, Bình Dương      | 3.718.222  |
| 8          | Bưu cục An Thạnh        | 44/2 Khu phố Thạnh Hòa B, An Thạnh, Thuận An, Bình Dương |            |
| 9          | BĐVHX An Sơn            | Ấp An Phú, Xã An Sơn, Thuận An, Bình Dương.              | 3.726.001  |
| <b>III</b> | <b>TP. DĨ AN</b>        |                                                          |            |
| 1          | Bưu điện Dĩ An          | Số 12 Khu phố Nhị Đồng 1, Dĩ An, Dĩ An, Bình Dương       | 3.795.616  |
| 2          | Bưu cục Bình An         | Khu phố Nội Hóa 1, Bình An, Dĩ An, Bình Dương            | 3.781.111  |
| 3          | Bưu cục Tân Đông Hiệp   | ĐT743 Chiêu Liêu, Tân Đông Hiệp, Dĩ An, Bình Dương       | 3.728.880  |
| 4          | Bưu cục Sóng Thần       | Số 2 Đường Đại lộ Độc Lập, KCN Sóng Thần 1, An Bình      | 3.790.100  |
| 5          | Bưu cục Bình Minh       | Khu phố Bình Minh I, Dĩ An, Dĩ An, Bình Dương            | 3.736.420  |
| 6          | Bưu cục Tân Bình        | Khu phố Tân Thắng, Tân Bình, Dĩ An, Bình Dương.          | 3.738.000  |
| 7          | BĐVHX Tân Đông Hiệp     | KP Đông Chiêu, Tân Đông Hiệp, Dĩ An, Bình Dương.         | 3.729.100  |
| 8          | BĐVHX An Bình           | Khu phố Bình Đường 2, An Bình, Dĩ An, Bình Dương.        | 3.737.771  |
| 9          | BĐVHX Bình An           | KP Bình Thung, Bình An, Dĩ An, Bình Dương.               | 3.749.888  |
| <b>IV</b>  | <b>TX. BẾN CÁT</b>      |                                                          |            |
| 1          | Bưu điện Bến Cát        | Khu phố 2, thị trấn Mỹ Phước, Bến Cát, Bình Dương        | 3.558.646  |
| 2          | Bưu cục KCN Mỹ Phước    | Khu phố 4, thị trấn Mỹ Phước, Bến Cát, Bình Dương        | 3.566.990  |
| 3          | Bưu cục KCN Mỹ Phước 2  | Đường NA3, KP 3, Mỹ Phước, TX Bến Cát                    | 3.595.858  |
| 4          | Bưu cục KCN Mỹ Phước 3  | Đường NE8, KCN Mỹ Phước 3, xã Thới Hòa, Bến Cát, B       | 3.577.757  |
| 5          | Bưu cục Phú An          | Ấp An Thành, xã An Tây, Bến Cát, Bình Dương              | 3.562.200  |
| 6          | Bưu cục Chánh Phú Hòa   | Ấp 3, xã Chánh Phú Hòa, Bến Cát, Bình Dương.             | 3.562.580  |
| 7          | Bưu cục Sở Sao          | Ấp 1, xã Tân Định, Bến Cát, Bình Dương                   | 3.560.999  |
| 8          | BĐVHX An Tây            | Ấp Lò Ô, Xã An Tây, Bến Cát, Bình Dương.                 | 3.578.300  |
| 9          | VHX Phú An              | Xã Phú An, TX Bến Cát, Bình Dương                        | 3.580.026  |
| <b>V</b>   | <b>H. BÀU BÀNG</b>      |                                                          |            |
| 1          | Bưu điện Bầu Bàng       | Đường NC, khu dân cư 5A, ấp 5, Lai Uyên, Bầu Bàng, B     | 3.563.999  |
| 2          | Bưu cục Hưng Hòa        | Ấp 3, Xã Hưng Hoà, Bầu Bàng, Bình Dương.                 | 3.563.500  |
| 3          | Bưu cục Lai Uyên        | Ấp Xà Mách, xã Lai Uyên, Bến Cát, Bình Dương             | 3.562.800  |
| 4          | Bưu cục Long Nguyên     | Ấp Suối Tre, Xã Long Nguyên, Bầu Bàng, Bình Dương.       | 3.590.000  |



| STT                         | Điểm tiếp nhận          | Địa chỉ                                                  | Điện thoại |
|-----------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------|------------|
| 5                           | BĐVHX Trừ Văn Thố       | Ấp 1, Xã Trừ Văn Thố, Bàu Bàng, Bình Dương.              | 3.552.439  |
| 6                           | BĐVHX Cây Trường        | Xã Cây Trường, Bàu Bàng, Bình Dương                      | 3.552.050  |
| <b>VI. TX. TÂN UYÊN</b>     |                         |                                                          |            |
| 1                           | Bưu điện Tân Uyên       | Khu phố 5, thị trấn Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương      | 3.656.900  |
| 2                           | Bưu cục Khánh Bình      | Ấp 3B, xã Khánh Bình, Tân Uyên, Bình Dương               | 3.652.440  |
| 3                           | Bưu cục Tân Phước Khánh | Khu phố Khánh Hòa, thị trấn Tân Phước Khánh, Tân Uyên    | 3.659.611  |
| 4                           | Bưu cục Tân Ba          | Khu phố Ba Đình, thị trấn Thái Hòa, Tân Uyên, Bình Dương | 3.658.700  |
| 5                           | Bưu cục Tân Vĩnh Hiệp   | Khu phố Tân Hóa, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương  | 3.631.399  |
| 6                           | Bưu cục Hội Nghĩa       | Ấp 2, Xã Hội Nghĩa, Tân Uyên, Bình Dương.                | 3.648.099  |
| 7                           | Bưu cục Nam Tân Uyên    | Khu phố 7, thị trấn Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương      |            |
| 8                           | BĐVHX Khánh Bình        | Ấp 3B, Xã Khánh Bình, Tân Uyên, Bình Dương.              | 3.610.330  |
| 9                           | BĐVHX Vĩnh Tân          | Ấp 4, Xã Vĩnh Tân, Tân Uyên, Bình Dương.                 | 3.839.051  |
| 10                          | BĐVHX Thạnh Phước       | Ấp Tân Lương, Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương.         | 3.625.189  |
| <b>VII. H. BẮC TÂN UYÊN</b> |                         |                                                          |            |
| 1                           | Bưu điện Bắc Tân Uyên   | Ấp 1, Tân Thành, Bắc Tân Uyên                            | 3.683.386  |
| 2                           | Bưu cục Bình Mỹ         | Ấp Đồng Sặc, Xã Bình Mỹ, Bắc Tân Uyên, Bình Dương.       | 3.684.500  |
| 3                           | Bưu cục Lạc An          | Ấp 3, Xã Lạc An, Bắc Tân Uyên, Bình Dương.               | 3.656.195  |
| 4                           | BĐVHX Đất Cuốc          | Ấp Tân Lợi, Đất Cuốc, Bắc Tân Uyên                       |            |
| 5                           | BĐVHX Thường Tân        | Ấp 3, Xã Thường Tân, Bắc Tân Uyên, Bình Dương.           | 3.656.898  |
| 6                           | BĐVHX Tân Bình          | Ấp 1 Tân Bình, Bắc Tân Uyên, Bình Dương                  | 3.637.789  |
| 7                           | BĐVHX Hiếu Liêm         | Ấp Cây Dầu, Hiếu Liêm, Bắc Tân Uyên, Bình Dương          | 3.686.839  |
| <b>VIII. H. PHÚ GIÁO</b>    |                         |                                                          |            |
| 1                           | Bưu điện Phú Giáo       | Khu phố 3, thị trấn Phước Vĩnh, Phú Giáo, Bình Dương     | 3.672.711  |
| 2                           | Bưu cục An Bình         | Ấp Bình Thắng, xã An Bình, Phú Giáo, Bình Dương.         | 3.688.000  |
| 3                           | Bưu cục Phước Hòa       | Ấp 1A, xã Phước Hoà, Phú Giáo, Bình Dương                | 3.657.189  |
| 4                           | Bưu cục Phước Hòa 2     | Ấp Đồng Chính, Phước Hòa, Phú Giáo, Bình Dương           | 3.990.248  |
| 5                           | BĐVHX An Thái           | Ấp Phú Thịnh, Xã An Thái, Phú Giáo, Bình Dương.          | 3.661.599  |
| 6                           | BĐVHX An Bình           | Ấp Cây Cam, Xã An Bình, Phú Giáo, Bình Dương.            | 3.688.014  |
| 7                           | BĐVHX Phước Sang        | Ấp 1, Xã Phước Sang, Phú Giáo, Bình Dương.               | 3.661.686  |
| 8                           | BĐVHX Tân Hiệp          | Ấp 3, Xã Tân Hiệp, Phú Giáo, Bình Dương.                 | 3.661.600  |
| 9                           | BĐVHX An Linh           | Ấp 30/4, Xã An Linh, Phú Giáo, Bình Dương.               | 3.661.543  |
| 10                          | BĐVHX An Long           | Ấp Xóm quạt, Xã An Long, Phú Giáo, Bình Dương.           | 3.660.392  |
| 11                          | BĐVHX Tân Long          | Ấp 2, xã Tân Long, Phú Giáo, Bình Dương.                 | 3.660.345  |
| <b>IX. H. DẦU TIẾNG</b>     |                         |                                                          |            |
| 1                           | Bưu điện Dầu Tiếng      | Khu phố 3, thị trấn Dầu Tiếng, Dầu Tiếng, Bình Dương     | 3.561.333  |
| 2                           | Bưu cục Long Hòa        | Ấp Long Điền, xã Long Hòa, Dầu Tiếng, Bình Dương         | 3.562.000  |
| 3                           | Bưu cục Minh Hòa        | Ấp Hoà Cường, xã Minh Hoà, Dầu Tiếng, Bình Dương         | 3.543.900  |
| 4                           | Bưu cục Thanh Tuyền     | Ấp Chợ, Xã Thanh Tuyền, Dầu Tiếng, Bình Dương            | 3.562.310  |
| 5                           | Bưu cục An Lập          | Ấp Bàu Khai, Xã An Lập, Dầu Tiếng, Bình Dương.           | 3.592.202  |
| 6                           | Bưu cục Minh Tân        | Ấp Tân Đức, Xã Minh Tân, Dầu Tiếng, Bình Dương.          | 3.545.580  |
| 7                           | BĐVHX Long Hòa          | Ấp Đồng Bà Ba, Xã Long Hòa, Dầu Tiếng, Bình Dương.       | 3.570.373  |
| 8                           | BĐVHX Định Hiệp         | Ấp Hiệp Phước, Xã Định Hiệp, Dầu Tiếng, Bình Dương.      | 3.561.222  |
| 9                           | BĐVHX Long Tân          | Ấp Long Chiêu, Xã Long Tân, Dầu Tiếng, Bình Dương.       | 3.590.055  |
| 10                          | BĐVHX Minh Thạnh        | Ấp Cây Liễu, Xã Minh Thạnh, Dầu Tiếng, Bình Dương.       | 3.545.680  |
| 11                          | BĐVHX Cần Nôm           | Ấp Thanh Tân, Xã Thanh An, Dầu Tiếng, Bình Dương.        | 3.520.020  |
| 12                          | BĐVHX Thanh An          | Ấp Cần Giăng, Xã Thanh An, Dầu Tiếng, Bình Dương.        | 3.530.029  |